

Số: /BC-SLĐTBXH

Thái Bình, ngày tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Công tác phòng chống tham nhũng quý I năm 2021

Sở Lao động – TBXH là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về các lĩnh vực: việc làm; dạy nghề; lao động; tiền lương, tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội); về các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo qui định của pháp luật.

Hiện nay Sở có 09 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (gồm: Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Phòng Bảo trợ xã hội; Phòng Dạy nghề; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Người có công; Phòng Lao động - Tiền lương – Bảo hiểm xã hội; Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới; Phòng Việc làm – An toàn lao động) và 07 đơn vị trực thuộc (gồm: Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội; Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình; Trường Trung cấp nghề cho người khuyết tật; Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần; Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội; Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công tỉnh Thái Bình).

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Khi có các văn bản của cấp trên về PCTN Giám đốc Sở triển khai qua mạng văn phòng điện tử liên thông cho các Trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc. Trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai các

văn bản của cấp trên về PCTN qua mạng văn phòng điện tử liên thông hoặc qua các cuộc họp phòng, cơ quan cho cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động trong đơn vị mình và phổ biến trong các cuộc họp chi bộ hàng tháng.

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Quý I năm 2021 Sở đã ban hành 04 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về PCTN gồm:

- Quyết định số 27/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/01/2021 về việc phê duyệt kế hoạch công tác cải cách hành chính của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2021.

- Kế hoạch số 01/KH-SLĐTBXH ngày 12/01/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2021.

- Kế hoạch số 12/KH-SLĐTBXH ngày 26/01/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021.

- Quyết định số 137/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/3/2021 về ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách):

Sở không có bộ phận chuyên trách về phòng, chống tham nhũng.

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

- Sở đã phối hợp với Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, Báo Thái Bình đăng tải nhiều tin, bài, phóng sự mở chuyên trang, chuyên mục tư vấn, giải thích pháp luật, hỏi đáp về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

- Sở đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo các huyện, thành ủy tổ chức đăng tải văn bản quy định chính sách trên Bản tin nội bộ, qua các hội nghị Báo cáo viên định kỳ.

- Hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện và cấp xã, phường, thị trấn đã tổ chức phát thanh thường kỳ các tin, bài đăng tải nội dung văn bản quy định chính sách đến cộng đồng dân cư.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a1. Công khai Quy chế làm việc:

Sở đã xây dựng Quy chế làm việc quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Sở Lao động – TBXH tỉnh Thái Bình (*Quyết định số 416/QĐ-SLĐTBXH ngày 19/10/2016 ban hành Quy chế làm việc của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình*).

Quy chế làm việc của Sở đã được công khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động của Sở.

- 9/9 phòng và 7/7 đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng Quy chế làm việc của phòng, đơn vị mình và phân công, bố trí công việc của cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động.

Quy chế làm việc của phòng, đơn vị đều được công khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động của phòng, đơn vị.

a.2. Việc công khai, minh bạch hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước (công khai dự toán, quyết toán):

- Sở đã thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động về tài chính của cơ quan và của các đơn vị trực thuộc Sở: Sau khi được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Sở đã thực hiện công khai trên mạng văn phòng điện tử liên thông; niêm yết tại bảng thông báo của cơ quan và gửi văn bản cho các đơn vị dự toán, cụ thể:

* Quý I năm 2021 Sở đã công khai các dự toán, quyết toán sau:

- *Quyết định số 20/QĐ-SLĐTBXH ngày 06/01/2021 v/v công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- *Quyết định số 26/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/01/2021 v/v công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý IV và năm 2020.*

- *Thông báo số 23/TB-SLĐTBXH ngày 29/01/2021 v/v công khai tài sản công năm 2020.*

a.3. Việc công khai, minh bạch trong mua sắm công, xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng:

a.3.1. Công khai, minh bạch trong mua sắm tài sản công:

- Việc mua sắm tài sản được thực hiện theo Quyết định 1330/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 và Hướng dẫn số 05/HD-STC ngày 21/6/2016 về thực hiện mua sắm tài sản nhà nước.

- Quý I năm 2021 Sở đăng Thông báo mời thầu trên Báo đấu thầu các dự án mua sắm sau:

+ Gói thầu số 03: Mua sắm hàng hóa phục vụ đối tượng người có công nhân dịp Tết nguyên đán Tân Sửu 2021.

+ Gói thầu số 01: Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu số 03,04 của Dự án mua sắm hàng hóa chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tròn 100 và tròn 90 tuổi nhân dịp Tết nguyên đán Tân Sửu 2021.

+ Gói thầu số 02: Tư vấn thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu số 03,04 của Dự án mua sắm hàng hóa chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tròn 100 và tròn 90 tuổi nhân dịp Tết nguyên đán Tân Sửu 2021.

+ Gói thầu số 03: Mua sắm bánh, sữa chúc thọ người cao tuổi.

+ Gói thầu số 04: Mua sắm vải thọ người cao tuổi.

+ Gói thầu số 05: Mua sắm khung kính chúc thọ người cao tuổi của Chủ tịch nước.

+ Gói thầu số 06: Mua sắm khung kính chúc thọ người cao tuổi của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Gói thầu số 07: In giấy chúc thọ.

+ Gói thầu số 08: Mua túi đựng quà của Chủ tịch nước, túi đựng quà của Chủ tịch UBND tỉnh, phong bì đựng tiền.

+ Gói thầu số 09: Thuê xe tải 2,5 tấn vận chuyển quà xuống huyện, thành phố..

a.3.2. Công khai, minh bạch trong xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng:

Quý I năm 2021 Sở có 01 dự án đầu tư xây dựng: Công trình nhà đối tượng dưỡng lão 2 tầng, tường rào, hồ điều hòa, sân đường nội bộ còn lại thuộc giai đoạn II dự án đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội.

Sở đã thực hiện việc đăng tải công khai các thông báo kế hoạch đấu thầu; thông báo mời thầu; và đơn vị trúng thầu trên các phương tiện thông tin. Việc bán hồ sơ mời thầu được thực hiện công bằng, khách quan giữa các nhà thầu. Phối hợp với các nhà thầu thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý dự án đầu tư xây dựng.

a.4. Việc công khai, minh bạch trong công tác tổ chức, cán bộ:

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ đều thực hiện theo đúng quy định:

Thực hiện Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc Ban hành Quy định quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị-xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc

tỉnh Thái Bình; Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành Quy định quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Bình. Khi thực hiện việc tuyển dụng cán bộ, Sở đều có văn bản đề nghị Sở Nội vụ thoả thuận tuyển dụng và thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về điều kiện, tiêu chuẩn, công việc khi được tuyển dụng.

Công khai việc đào tạo, quy hoạch, bồi dưỡng nâng lương trước thời hạn, chuyển ngạch, khen thưởng, kỷ luật. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ giao, hàng năm Sở đều tiến hành rà soát bổ sung nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương theo hướng dẫn trình Ban Tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt và công bố danh sách nguồn quy hoạch đã được phê duyệt tới cán bộ công chức, viên chức.

Hàng năm đều cử cán bộ trong nguồn quy hoạch tham gia học Trung cấp chính trị; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính; cao cấp lý luận chính trị; sau đại học, học đại học hoặc văn bằng 2. Chế độ chính sách cho cán bộ công chức, viên chức vẫn đảm bảo như: nâng lương thường xuyên, các chế độ phụ cấp nghề, độc hại, phụ cấp y tế, phụ cấp đặc thù được đảm bảo đầy đủ.

Sở đã có *Quyết định số 376/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/8/2020 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thái Bình.*

Công tác đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức thực hiện dân chủ, khách quan, công bằng, đúng với vị trí việc làm của từng chức danh. Sở đã chỉ đạo các phòng của Sở và các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật và đã hoàn thành việc đánh giá, phân loại đúng thời gian quy định. Thực hiện tốt việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, chỉ ra những ưu điểm, mặt tích cực cần phát huy, những khuyết điểm cần khắc phục, sửa chữa kịp thời tạo động lực để cán bộ, công chức, viên chức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Cơ quan Văn phòng Sở và 8/8 đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công trên cơ sở tiêu chuẩn định mức tiêu chuẩn của nhà nước. Sở đã có *Quyết định số 24/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/01/2017 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công của Cơ quan văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Các định mức, tiêu chuẩn về việc sử dụng điện thoại khoán; công tác phí khoán; tiêu chuẩn sử dụng văn phòng phẩm; định mức quy định về Hội nghị sơ kết, tổng kết; về tiếp khách; về xăng xe ô tô...đều đúng quy định theo các văn bản của nhà nước.

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

Thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức, hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai, chỉ đạo Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc quán triệt sâu rộng trong cán bộ, công chức và viên chức, xem việc tặng quà và nhận quà tặng không đúng quy định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác phòng chống tham nhũng ở cơ quan, đơn vị đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc giám sát, phát hiện và tố giác những trường hợp vi phạm.

Nhìn chung, qua kiểm tra tại Sở, các phòng và đơn vị không có trường hợp nào vi phạm các quy định tại Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức.

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm túc quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Trong giao tiếp với công dân có thái độ lịch sự, hòa nhã, văn minh. Khi giao dịch trực tiếp, bằng văn bản hành chính hoặc qua các phương tiện thông tin (điện thoại, thư tín, qua mạng...) đúng văn hóa công sở; thường xuyên nắm bắt kịp thời tâm lý của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để có cách thức điều hành phù hợp với từng đối tượng nhằm phát huy khả năng, kinh nghiệm, tính sáng tạo, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; phát huy dân chủ, tạo điều kiện trong học tập và phát huy sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức.

Trong thừa hành nhiệm vụ luôn tôn trọng người lãnh đạo, phục tùng và chấp hành nhiệm vụ được giao đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, dám chịu trách nhiệm; có trách nhiệm đóng góp ý kiến trong hoạt động, điều hành của cơ quan đảm bảo cho hoạt động công vụ đạt hiệu quả.

Hàng năm, Sở mở các lớp tập huấn, công tác nghiệp vụ đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ, viên chức trong ngành, trọng tâm là văn hóa công sở, kỹ năng ứng xử, kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp và người dân. Thường xuyên tổ chức quán triệt sâu rộng các văn bản quy định về thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành trong các buổi sinh hoạt chi bộ định kỳ hàng tháng, hội nghị giao ban và hội nghị cán bộ, công chức.

- Quý I năm 2021 Sở không có trường hợp cán bộ vi phạm trong thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:

- Việc ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác:

* Các vị trí công tác phải chuyển đổi theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Công tác Tổ chức, cán bộ.

- Công tác Tài chính, Kế toán.

- Công tác Thanh tra.

- Lĩnh vực Việc làm - An toàn lao động:

+ Tiếp nhận hồ sơ cấp phép cho lao động nước ngoài.

+ Tiếp nhận hồ sơ giới thiệu Doanh nghiệp tuyển chọn lao động.

- Lĩnh vực dạy nghề:

+ Giúp Hội đồng thẩm định tiếp nhận hồ sơ cho phép thành lập Trường trung cấp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp.

+ Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Lĩnh vực Lao động tiền lương và Bảo hiểm xã hội:

+ Tiếp nhận đăng ký nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể.

+ Thẩm định hồ sơ xếp hạng Doanh nghiệp nhà nước.

+ Thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng 30% lao động là người khuyết tật.

- Lĩnh vực người có công:

+ Tiếp nhận thẩm định hồ sơ giải quyết chế độ chính sách đối với người có công.

* Số người đã được chuyển đổi; vị trí được chuyển đổi:

Quý I năm 2021 có **12** vị trí được chuyển đổi (*12 viên chức*).

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Sở đang triển khai thực hiện Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Sở không để xảy ra hành vi tham nhũng.

g) Việc thực hiện cải cách hành chính:

* Thực hiện cải cách thủ tục hành chính:

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành *Quyết định số 27/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/01/2021 về việc phê duyệt kế hoạch công tác cải cách hành chính của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2021; Kế hoạch số 01/KH-SLĐTBXH ngày 12/01/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2021*, tập trung tăng cường công tác CCHC, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai minh bạch các quy định của nhà nước và bố trí cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực theo yêu cầu công việc làm khâu đột phá trong CCHC; đồng thời gắn với kiểm soát thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước. Trên cơ sở bám sát các mục tiêu đề ra trong năm 2020, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã thực hiện tốt công tác CCHC góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội của tỉnh.

+ Thường xuyên rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Hiện tại Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các quyết định chuẩn hóa các thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã thuộc lĩnh vực của ngành, tất cả các thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đúng quy định.

+ Sở có *Quyết định số 291/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/6/2020 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 sang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015*, áp dụng cho các TTHC của Sở góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết các TTHC.

+ Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC của các phòng, đơn vị trực thuộc được Sở Lao động Thương binh và Xã hội trú trọng quan tâm thực hiện thông qua các buổi họp giao ban, hội nghị cán bộ...; bên cạnh đó, trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính đã xây dựng, Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc tăng cường tự tổ chức kiểm tra, giám sát về công tác cải cách hành chính.

Quý I năm 2021 Sở Lao động Thương binh và Xã hội chưa nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về công tác cải cách hành chính.

+ Bộ phận “Một cửa” của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng thời gian quy định các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, thời gian xử lý hồ sơ nhanh, gọn, đúng quy định, không gây phiền hà cho các tổ chức, cá nhân đến thực hiện giao dịch thủ tục hành chính. Do đó, đã góp phần đạt hiệu quả trong quản lý và điều hành; thể thiện được tính công khai, minh bạch trong cải cách thủ tục hành chính.

Quý I năm 2021 không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân nào trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận “một cửa”.

** Kết quả giải quyết TTHC thông qua cơ chế một cửa năm 2020 (từ 16/12/2020 – 15/3/2021) cụ thể:*

- + Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.887
- + Số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn: 1.851
- + Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 36
- + Số lượng hồ sơ giải quyết quá hạn: 0

* Công khai TTHC: Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở bao gồm **110** thủ tục hành chính. Số thủ tục hành chính thực hiện tại Sở đều được công khai đầy đủ, rõ ràng trên cổng thông tin điện tử Sở và Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh theo quy định; thường xuyên cập nhật các TTHC mới, sửa đổi, bổ sung; thời gian giải quyết kịp thời, nhanh, gọn đúng thời gian quy định; phí, lệ phí được thực hiện theo đúng quy định của Thông tư.

h) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Sở đã xây dựng quy chế quản lý, vận hành cổng thông tin điện tử; triển khai thực hiện chữ ký số điện tử, 100% văn bản đi được số hóa, sử dụng chứng thư số được cấp để ký số điện tử, phát hành, phân phối và gửi văn bản thông qua Mạng văn phòng điện tử liên thông qua đó giúp giảm thời gian giải quyết công việc đảm bảo tiết kiệm hiệu quả.

- Sở đã tiến hành nâng cấp mạng nội bộ (LAN) cơ quan Văn phòng Sở. Sở đã kết hợp với Trung tâm tin học của Sở Thông tin và Truyền thông triển khai lắp đặt bức tường lửa Bkav để quản lý và duy trì khai thác thông tin trên mạng an toàn. Sở đã triển khai cài đặt phần mềm diệt virus Bkav Endpoint cho các máy tính.

- Đầu tư trang thiết bị máy vi tính, máy in cho 100% cán bộ, công chức, viên chức của Sở để xử lý công việc.

- Triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thái Bình góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực người có công với cách mạng.

i) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Cơ quan Văn phòng Sở và 7/7 đơn vị trực thuộc Sở đã thực hiện tốt việc thanh toán và trả lương qua tài khoản (đạt tỷ lệ 100%): thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, viên chức kịp thời, đúng chế độ quy định.

k) Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có): Không có.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: Sở không có vụ tham nhũng.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Sở không có vụ tham nhũng.

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Sở không có vụ tham nhũng.

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Sở không có vụ tham nhũng.

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Sở không có vụ tham nhũng.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm:

Quý I năm 2021 Sở không thực hiện thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị:

Quý I năm 2021 Sở không thực hiện thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: Không
- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Không
- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước: Không.
- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không.

b) Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không.

c) Các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng (nếu có): Không.

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

a) Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hoá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện:

Quý I năm 2021 Sở đã ban hành 4 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về PCTN gồm:

- *Quyết định số 27/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/01/2021 về việc phê duyệt kế hoạch công tác cải cách hành chính của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2021.*

- *Kế hoạch số 01/KH-SLĐTBXH ngày 12/01/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2021.*

- *Kế hoạch số 12/KH-SLĐTBXH ngày 26/01/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021.*

- *Quyết định số 137/QĐ-SLĐTBXH ngày 08/3/2021 về ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021.*

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong chiến lược quốc gia và kế hoạch thực thi Công ước: Không.

c) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà bộ, ngành, địa phương đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước: Không.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân: Sở chưa đề xảy ra vụ tham nhũng.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước: Sở chưa đề xảy ra vụ tham nhũng.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Đối tượng người có công, đối tượng xã hội trên địa bàn tỉnh đông, đa dạng, phức tạp, việc quản lý đối tượng ở một số địa phương chưa sâu sát, kịp thời dẫn đến những hạn chế nhất định trong công tác chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng. Tuy nhiên, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, ngành Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình đã nỗ lực, đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, ngay từ đầu năm, Sở đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt Luật Phòng chống tham nhũng và các văn bản liên quan tới công tác phòng chống tham nhũng tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Gắn công tác phòng, chống tham nhũng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từng bước cải tiến lề lối làm việc và hiện đại hóa nền hành chính, không đề xảy ra vụ tham nhũng.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước:

Hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này tốt hơn với cùng kỳ năm trước.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng:

Sở đã hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng.

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng: Không.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*): Sở sẽ không để xảy ra vụ tham nhũng.

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng:

Lĩnh vực thực hiện chính sách người có công; thực hiện các đề án, dự án, chương trình mục tiêu là nhóm lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG QUÝ II NĂM 2021:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng, Chiến lược Quốc gia Phòng chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và các văn bản liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Cán bộ, công chức tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong ngành. Tiếp tục vận động cán bộ, công chức, viên chức hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh”, phong trào xây dựng người cán bộ công chức “Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”.

- Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh công tác quản lý các lĩnh vực công tác của ngành và việc thực hiện thẩm quyền trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở.

- Sở sẽ tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố; các Trung tâm thuộc Sở và các Doanh nghiệp, đơn vị có liên quan thực hiện đúng quy định các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an sinh xã hội như chính sách đối với người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, lao động, việc làm... đồng thời chú trọng giải quyết dứt

điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị đã góp phần đảm bảo an ninh chính trị; trật tự, an toàn xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục duy trì trực tiếp công dân của Giám đốc Sở vào ngày 15 hàng tháng; của Thanh tra Sở vào Thứ Năm hàng tuần.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Tăng cường sự phối kết hợp với các cơ quan liên quan như Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Trung tâm trợ giúp pháp lý và các phòng ban chuyên môn thuộc Sở để nâng cao hiệu quả trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Triển khai thực hiện chế độ, chính sách cho đối tượng là người có công, đối tượng xã hội kịp thời, đảm bảo đúng kỳ, đủ số.

- Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch tài chính, tài sản cơ quan, đơn vị; quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, quỹ “Bảo trợ trẻ em” và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác rà soát thủ tục hành chính theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh nhằm giảm thiểu thời gian giải quyết công việc, loại bỏ những thủ tục không cần thiết, không gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Duy trì nề nếp hoạt động của Trang thông tin điện tử ngành và phần mềm Mạng văn phòng điện tử. Đưa 100% số lượng thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh theo cơ chế “5 tại chỗ” và 50% số thủ tục hành chính nêu trên được thực hiện ở mức độ 3, mức độ 4.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: Không.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, TTra.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Huân

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG QUÍ I NĂM 2021

(Số liệu báo cáo tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 15/3/2021)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU QUÍ I
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	4
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHỮNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	0
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	0
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0

12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	12
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	2

28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100%
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG			
<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>			
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
<i>Qua hoạt động thanh tra</i>			
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>			
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
<i>Qua điều tra tội phạm</i>			
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG			
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Vụ	0
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Người	0
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	0

42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	0
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	0
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	0
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
50	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
52	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
54	+ Đất đai	m ²	0
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		0
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		0
	+ Tặng Giấy khen		0

57	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng	Người	0
58	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng	Người	0
59	Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của NĐ 90/2013/NĐ-CP	Đơn	0
60	Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình	Đơn	0
61	Số đơn yêu cầu đã được giải trình	Đơn	0

Thái Bình, ngày tháng năm 2021

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Huân

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG QUÍ I NĂM 2021

(Số liệu báo cáo tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 15/3/2021)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
KHÔNG CÓ				

Thái Bình, ngày tháng năm 2021

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Huân